

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,670 – 1,685 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,681.30 điểm, đi ngang so với phiên trước đó. Số mã tăng nhiều hơn số mã giảm, 12/18 ngành tăng điểm, tuy nhiên sự điều chỉnh của ngành Ngân hàng và cổ phiếu họ Vin kìm hãm đà tăng của chỉ số. Ngành Dầu khí tăng tốt hôm nay, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, đặc biệt trên sàn HSX đà bán ròng vẫn chưa có dấu hiệu chậm lại. Xu hướng giằng co tại vùng đỉnh vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc; dòng tiền đang có xu hướng luân chuyển qua các ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 03/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.91** điểm, đóng cửa tại **1681.3** điểm. HNX-Index **+2.72** điểm, đóng cửa tại **282.7** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.19)**, **BID (+1.08)**, **MBB (+1.02)**, **BSR (+0.79)**, **FPT (+0.64)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.05)**, **VIC (-2.91)**, **VHM (-1.70)**, **VPB (-0.91)**, **CTG (-0.86)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **35,696** tỷ đồng, giảm **-17.56%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 37,490 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.3 điểm. Thị trường có **212** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **110** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2877.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-948.53 tỷ)**, **VPB (-203.78 tỷ)**, **FPT (-200.04 tỷ)**, **MSN (-198.86 tỷ)**, **MWG (-173.61 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-51.98** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.69%**. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+6.92%) ([Link báo cáo](#))
HSG (+6.81%) ([Link báo cáo](#))
BSR (+3.96%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+1.33%**. Các mã diễn biến tích cực:
NKG (+6.94%) ([Link báo cáo](#))
DIG (+6.87%) ([Link báo cáo](#))
BMP (+5.56%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.69%	1.33%	-0.05%	-0.31%
1 tuần	0.78%	0.98%	0.51%	0.60%
1 tháng	9.45%	5.85%	10.02%	12.48%
3 tháng	23.69%	23.32%	25.27%	29.83%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,681.30	282.70	111.05
% 1D	-0.05%	0.97%	0.05%
GTKL (tỷ VND)	35,696	2,883	778
%1D	-17.56%	-9.48%	-28.95%
GDNN (tỷ VND)	-2877.54	-51.98	-6.36

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PDR	95.49	HPG	-948.53
CII	64.60	VPB	-203.78
NKG	61.53	FPT	-200.04
NVL	58.32	MSN	-198.86
DIG	48.63	MWG	-173.61

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

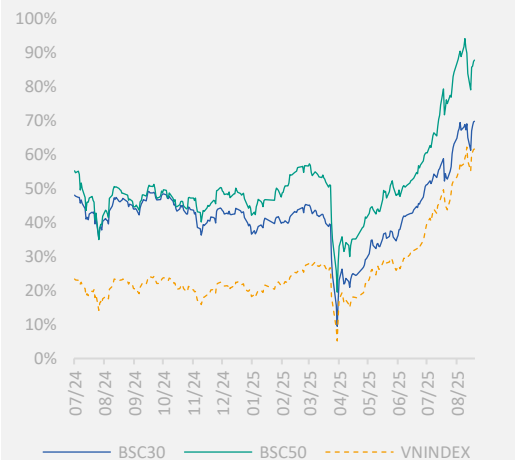
	%D	%W
SPX	-0.69%	-0.37%
FTSE100	0.32%	-1.19%
Eurostoxx	0.58%	-1.17%
Shanghai	-1.16%	0.35%
Nikkei	-0.88%	-1.31%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.76	2.32%
Giá vàng	3,541	2.59%
Tỷ giá		
USD/VND	26,508	0.02%
EUR/VND	31,440	-0.33%
JPY/VND	181	-1.09%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.00%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

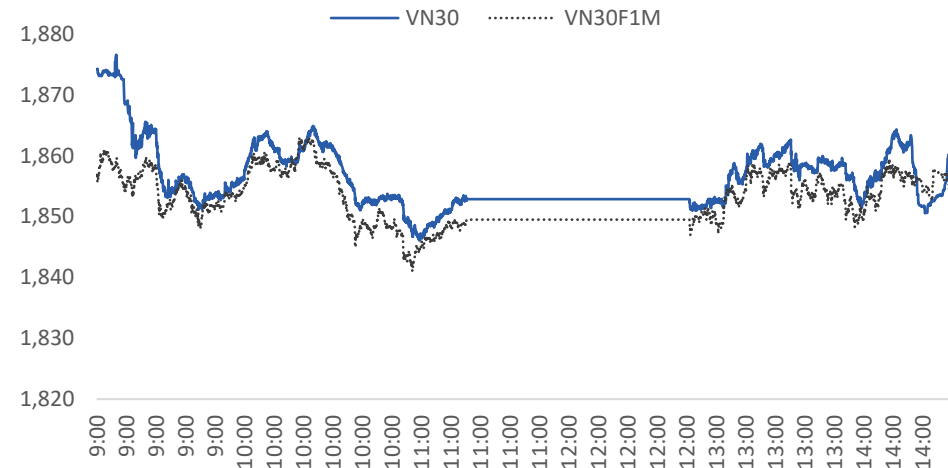
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1855.00	-0.42%	259,281	-32.2%	18/09/2025	15
VN30F2512	1839.50	-0.18%	65	-63.3%	18/12/2025	106
411IG3000	1832.90	-0.17%	39	-67.5%	19/03/2026	197
411IFA000	1852.00	-0.43%	1179	-30.07%	16/10/2025	43

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -5.79 điểm, đóng cửa tại 1859.59 điểm. Biên độ dao động 30.55 điểm. Các cổ phiếu như VIC, MWG, VHM, VPB, VCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm co trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Áp lực giảm điểm chủ yếu ở nhóm vốn hóa lớn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2512	19/09/2025	16	525,300	0.72%	24.89	1,040	23.8%	1.00	28.35	28.15	28.15
CVNM2507	19/09/2025	16	62,200	9.08%	65.46	210	23.5%	0.02	67.08	61.50	61.50
CHPG2514	19/11/2025	77	510,900	6.69%	26.37	1,100	20.9%	0.87	30.03	28.15	28.15
CHPG2515	19/12/2025	107	337,600	9.28%	26.83	1,180	20.4%	0.89	30.76	28.15	28.15
CHPG2502	26/09/2025	23	193,100	0.52%	22.90	2,160	20.0%	2.13	28.30	28.15	28.15
CHPG2521	11/12/2025	99	58,800	4.13%	23.32	1,800	19.2%	1.63	29.31	28.15	28.15
CHPG2527	4/05/2026	243	20,200	23.07%	27.44	1,800	13.9%	0.97	34.64	28.15	28.15
CHPG2523	23/06/2026	293	225,200	10.90%	24.15	2,830	13.2%	2.46	31.22	28.15	28.15
CHPG2510	5/02/2026	155	286,600	7.00%	24.15	2,390	12.7%	2.08	30.12	28.15	28.15
CMBB2515	23/03/2026	201	179,500	3.52%	20.25	4,090	12.7%	3.93	29.45	28.45	28.45
CFPT2509	19/11/2025	77	8,500	26.40%	120.74	450	12.5%	0.04	130.45	103.20	103.20
CVNM2509	23/02/2026	173	900	20.98%	69.54	630	12.5%	0.19	74.40	61.50	61.50
CHPG2406	28/10/2025	55	3,631,800	1.64%	23.32	1,590	12.0%	1.53	28.61	28.15	28.15
CHPG2513	20/10/2025	47	293,700	3.68%	25.72	1,040	11.8%	0.90	29.19	28.15	28.15
CHPG2528	23/02/2026	173	2,233,000	15.45%	30.00	1,250	11.6%	1.06	32.50	28.15	28.15
CSHB2506	11/12/2025	99	311,200	4.05%	12.57	4,100	11.1%	3.77	19.82	19.05	19.05
CVNM2514	23/01/2026	142	600	6.93%	56.00	1,220	10.9%	0.93	65.76	61.50	61.50
CVIB2510	3/03/2026	181	10,000	10.62%	19.22	1,660	10.7%	1.28	25.05	22.65	22.65
CVNM2407	4/11/2025	62	200,700	11.10%	65.17	550	10.0%	0.18	68.33	61.50	61.50
CHPG2526	3/12/2025	91	383,100	12.22%	27.11	1,120	9.8%	0.65	31.59	28.15	28.15

Nguồn: BSC

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 03/09/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2512 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 23.81%. CHPG2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.56%.
- CMBB2507, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CFPT2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2408, CVIC2502, CVIC2509, CVIC2505, CVIC2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	28.15	2.36%	4.06
FPT	103.20	1.57%	2.11
MBB	28.45	2.52%	1.56
VNM	61.50	1.99%	1.48
STB	56.30	1.26%	0.90

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	125.00	-2.57%	-4.33
MWG	75.80	-2.82%	-3.43
VHM	102.70	-1.72%	-1.92
VPB	34.50	-1.43%	-1.53
VCB	67.00	-2.33%	-1.02

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	28.15	2.36%	1.19	7.68
BID	43.50	1.52%	1.08	7.02
MBB	28.45	2.52%	1.02	6.10
BSR	27.55	3.96%	0.79	3.10
FPT	103.20	1.57%	0.64	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	26.20	6.50%	0.63	0.54
HUT	18.50	4.52%	0.51	0.89
PVS	35.10	3.54%	0.40	0.48
KSV	156.00	1.83%	0.39	0.20
NTP	64.10	4.57%	0.34	0.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VSC	32.10	7.00%	0.19	6.61
DXS	13.85	6.95%	0.13	6.45
NKG	16.95	6.94%	0.12	32.57
PDR	26.25	6.92%	0.41	56.14
PLP	5.87	6.92%	0.01	0.45

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
D11	12.30	9.82%	0.04	0.02
SSM	5.60	9.80%	0.01	0.00
WSS	9.10	9.64%	0.18	0.39
NHC	20.60	9.57%	0.02	0.00
SFN	23.90	9.13%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	67.00	-2.33%	-3.05	8.36
VIC	125.00	-2.57%	-2.91	3.88
VHM	102.70	-1.72%	-1.70	4.11
VPB	34.50	-1.43%	-0.91	7.93
CTG	50.60	-1.36%	-0.86	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	40.60	-2.64%	-0.42	0.57
SHS	28.60	-2.05%	-0.36	0.89
PTI	25.50	-9.25%	-0.19	0.12
DNP	19.10	-6.37%	-0.12	0.14
PVI	65.90	-1.05%	-0.11	0.23

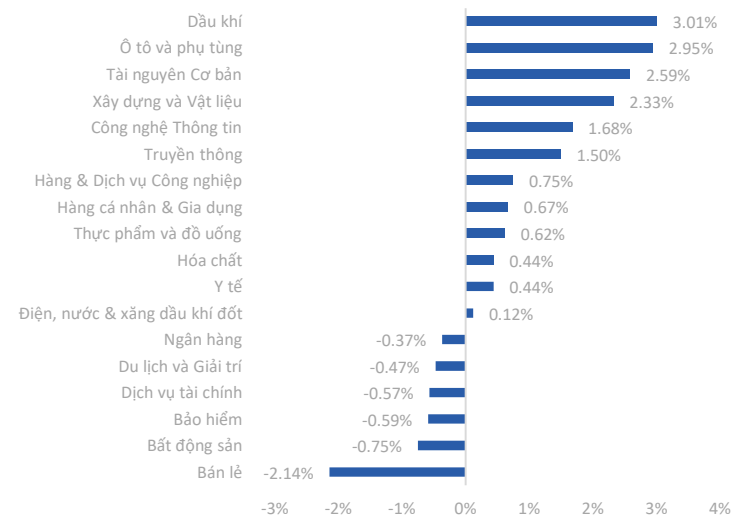
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAS	7.80	-6.02%	0.00	0.00
NVT	8.21	-5.63%	-0.01	0.00
CCI	26.00	-5.11%	-0.01	0.00
RYG	13.50	-4.93%	-0.01	2.82
DAT	7.42	-3.89%	0.00	0.00

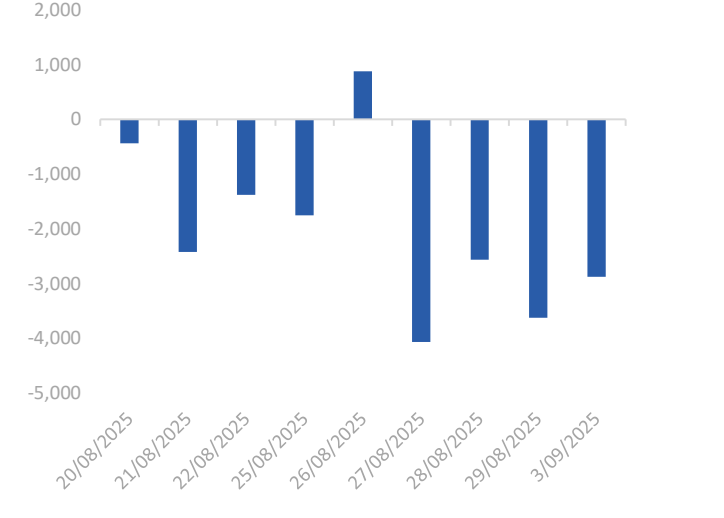
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	22.50	-9.64%	-0.02	0.00
ECI	10.40	-9.57%	-0.01	0.00
SGD	29.50	-9.51%	-0.05	0.00
S55	58.00	-9.38%	-0.22	0.00
PTI	25.50	-9.25%	-1.13	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	75.8	-2.8%	1.4	115,320	665.7	3,304	23.6	84,700	48.1%	Link
KBC	Bất động sản	39.6	-0.1%	1.2	37,341	483.6	1,835	21.6	-	14.4%	Link
KDH	Bất động sản	37.0	1.4%	1.3	40,961	290.1	716	51.0	39,900	32.5%	Link
PDR	Bất động sản	26.3	6.9%	1.6	24,054	1409.3	177	139.0	28,200	11.1%	Link
VHM	Bất động sản	102.7	-1.7%	0.9	429,225	328.9	6,995	14.9	92,000	10.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.2	1.6%	0.7	173,076	1226.9	5,092	20.0	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.6	4.0%	0.0	82,163	314.4	(16)	(1,647)	23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	35.1	3.5%	1.5	16,203	159.0	2,644	12.8	42,800	11.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.9	-0.9%	1.5	31,427	391.6	1,121	26.0		38.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.4	-2.0%	1.4	83,213	2250.2	1,577	26.8		39.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	47.8	-0.9%	1.4	34,865	484.7	1,369	35.2		28.2%	
DCM	Hóa chất	39.7	0.1%	1.4	20,964	131.3	2,805	14.1	47,300	7.0%	Link
DGC	Hóa chất	97.6	-0.6%	1.4	37,294	190.0	8,175	12.0	109,300	13.6%	Link
ACB	Ngân hàng	27.5	-1.1%	0.9	142,799	582.3	3,305	8.4	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	43.5	1.5%	1.0	300,865	488.7	3,683	11.6	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	50.6	-1.4%	1.1	275,481	519.4	5,608	9.2	53,500	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	33.1	-1.1%	1.2	116,910	504.7	4,075	8.2	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	28.5	2.5%	1.1	223,526	1316.8	3,046	9.1	32,000	23.1%	Link
MSB	Ngân hàng	17.8	0.6%	1.1	46,020	542.2	1,961	9.0	14,000	29.9%	Link
STB	Ngân hàng	56.3	1.3%	1.1	104,818	423.8	6,148	9.0		19.7%	
TCB	Ngân hàng	39.6	0.0%	1.0	280,615	550.6	3,018	13.1	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	21.1	0.7%	1.1	55,217	576.1	2,423	8.6	-	25.0%	Link
VCB	Ngân hàng	67.0	-2.3%	0.9	573,199	987.0	4,148	16.5	75,700	21.8%	Link
VIB	Ngân hàng	22.7	0.2%	1.0	76,931	282.9	2,219	10.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	34.5	-1.4%	1.0	277,687	1010.5	2,193	16.0	26,500	25.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.2	2.4%	1.3	211,075	3494.4	1,750	15.7	34,300	20.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.6	6.8%	1.4	11,395	461.6	751	24.4	23,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	1.6%	1.4	10,680	120.0	4,124	6.7	31,700	4.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	83.0	0.0%	1.3	120,011	800.8	1,862	44.6	92,700	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	2.0%	0.7	126,024	291.4	4,101	14.7	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.2	2.74%	1.4	9,205	126.4	2,216	19.0	23.8%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	128.1	-1.91%	0.9	22,241	87.7	3,163	41.3	31.6%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.4	-0.85%	1.2	43,723	22.4	3,311	17.8	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	24.9	6.87%	1.6	15,062	748.6	183	127.1	5.9%	1.8%	
DXG	Bất động sản	24.0	5.26%	1.5	23,231	479.1	353	64.6	26.6%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.0	3.93%	1.3	6,349	199.5	482	73.9	6.4%	3.8%	
HDG	Bất động sản	33.0	3.45%	1.5	11,783	153.7	522	61.0	18.7%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	45.0	2.74%	1.4	16,622	81.6	3,977	11.0	16.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	43.8	1.39%	1.4	16,616	143.5	1,709	25.3	47.3%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	59.7	1.36%	1.3	14,260	13.0	5,315	11.1	4.1%	28.1%	
SZC	Bất động sản	35.7	1.28%	1.1	6,336	53.4	1,978	17.8	2.4%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.7	3.42%	1.4	19,024	306.1	1,116	19.6	11.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	125.0	-2.57%	0.9	494,342	291.3	3,580	35.8	3.8%	9.6%	
VRE	Bất động sản	30.2	-0.82%	0.9	69,078	206.9	1,937	15.7	17.7%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.9	3.97%	1.4	8,533	42.9	1,701	23.7	38.3%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.6	1.25%	1.0	45,868	75.5	1,596	22.6	16.3%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	22.0	3.29%	1.3	11,840	193.4	1,428	14.9	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.1	0.12%	1.5	13,877	118.6	1,348	29.7	25.1%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	40.6	-2.64%	1.8	23,885	320.8	1,554	26.8	6.0%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.8	0.00%	1.1	153,946	57.2	5,002	12.8	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.6	0.61%	1.2	38,524	169.0	624	26.4	3.1%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.9	-0.46%	0.8	35,316	47.5	4,417	14.8	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	142.0	-1.73%	0.9	85,488	301.3	3,427	42.2	8.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.4	1.65%	1.4	49,181	399.3	1,736	31.4	7.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.4	-2.46%	1.2	29,035	222.4	3,765	18.4	41.4%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	2.31%	1.2	9,490	70.7	5,700	9.9	6.3%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	1.11%	1.2	8,435	52.2	2,306	7.8	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	101.6	2.63%	0.0	12,057	39.9	3,339	29.7	4.6%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.3	0.82%	1.1	28,925	56.8	6,129	14.0	49.0%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.1	0.17%	1.0	3,361	57.5	2,693	11.1	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.3	0.50%	1.5	2,477	29.4	2,841	7.1	16.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.7	-0.19%	1.2	18,154	124.5	957	27.9	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.3	0.86%	1.3	116,200	81.5	1,320	22.0	0.6%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	30.2	1.68%	1.2	55,323	754.7	1,783	16.7	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	44.7	-0.67%	0.5	134,428	93.1	3,324	13.5	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.9	-0.93%	0.0	27,537	192.7	2,260	7.1	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.9	1.83%	1.0	36,351	107.4	1,130	12.1	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	6.94%	1.5	7,094	548.3	666	23.8	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.9	-1.10%	1.5	7,229	67.8	1,871	14.5	3.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.7	-0.43%	0.7	10,595	76.8	1,921	18.2	3.0%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	-0.43%	0.6	59,703	30.5	3,185	14.6	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	1.23%	1.2	12,771	37.4	6,372	8.9	19.8%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	152.0	5.56%	0.8	11,788	44.5	13,894	10.4	84.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.0	1.17%	1.4	7,820	36.7	4,512	17.1	46.5%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.1	-0.11%	1.3	10,203	21.2	4,928	18.1	6.1%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.0	2.16%	1.4	4,440	64.5	2,518	17.5	3.0%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.3	3.04%	1.4	7,362	211.3	1,077	13.7	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.7	3.55%	1.2	9,567	102.7	1,179	22.7	15.3%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.3	3.35%	1.3	16,420	289.2	1,241	20.5	8.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	61.8	1.31%	1.4	27,349	74.1	3,343	18.3	6.1%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>